

Quá trình hình thành Giáo huấn Xã hội Công giáo

■ Lm. PHAN TẤN THÀNH (OP)

NGUỒN GỐC GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO

Có thể hiểu “nguồn gốc GHXH” theo nhiều nghĩa; từ đó có những câu hỏi khác nhau và những câu trả lời khác nhau: GHXH ra đời từ hồi nào? vì lý do gì? do ai sáng tác? dựa trên cơ sở nào? vv...

1. Có thể hiểu nguồn gốc GHXH theo nghĩa là sự ra đời của một môn học: *từ lúc nào xuất hiện môn học mang tựa đề “Giáo huấn xã hội của Giáo Hội”?* Trả lời: vào khoảng giữa thế kỷ XX (từ Đức Piô XI năm 1931)¹. Nên biết là mãi đến nay, môn này vẫn chưa được đem vào chương trình huấn luyện linh mục tại nhiều chủng viện, mặc dầu đã có lời yêu cầu của Bộ Giáo dục Công giáo từ năm 1988.

2. Đi xa hơn một chút nữa, có thể hiểu nguồn gốc của GHXH như là sự hình thành những giáo huấn của Giáo Hội về các vấn đề xã hội: *từ lúc nào các Giáo hoàng viết những thông điệp về vấn đề xã hội?* Trả lời: từ cuối thế kỷ XIX. Người ta thường lấy khởi điểm là thông điệp *Rerum Novarum* của Đức Thánh cha Lêô XIII (1891). Chúng ta sẽ điếm qua những văn kiện quan trọng trong mục 2 dưới đây.

3. Câu hỏi vừa rồi dẫn đến một câu hỏi khác liên quan đến nguồn gốc, hiểu theo nghĩa là **tác giả** của giáo huấn: *phải chăng GHXH là những văn kiện do các Giáo hoàng viết ra để giảng dạy cho Hội Thánh (vai trò giáo huấn), còn chúng ta chỉ ngoan ngoãn chấp nhận?* Đúng là các văn kiện do các Giáo hoàng viết ra, nhưng phải thêm rằng “nhờ sự đóng góp của toàn thể Dân Chúa”. Đứng trước những vấn đề nhiều khê của thời cuộc, nhiều tín hữu (Giám mục, linh mục, giáo dân) cách riêng là những người dấn thân phục vụ Tin Mừng, đã suy tư và đề ra những giải pháp. Các Giáo hoàng lắng nghe, đón nhận những đề nghị ấy, và phát biểu quan điểm chính thức của Giáo Hội dưới hình thức của các thông điệp. Điều này càng rõ rệt hơn nữa tại Công đồng Vaticanô II: Hiến chế “Vui mừng và Hy vọng” là kết quả làm việc của nhiều chuyên gia (về thần học cũng như các khoa học nhân văn) cùng với các Giám mục. Văn kiện này ra đời như là một tác phẩm của Công đồng, với sự tham gia của nhiều thành phần Dân Chúa. Ta cũng có thể nói tương tự về các văn kiện của các Thượng hội đồng Giám mục (trong đó có một khóa họp bàn về Giáo Hội tại châu Á).

4. Đi sâu hơn nữa, câu hỏi về nguồn gốc có thể hiểu về **lý do**: *tại sao Giáo Hội đưa ra giáo huấn về các vấn đề về xã hội?* Phải chăng Giáo Hội cũng muốn tham gia vào chính trị? Câu hỏi này đã được Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo trả lời ở các số 2420-2421 được trích dẫn trên đây. Giáo Hội lên tiếng về các vấn đề xã hội chính trị dưới góc cạnh luân lý, để cho thấy điều gì đúng hay sai, xét dưới viễn ảnh của Sự Thiện Tuyệt đối (định mệnh vĩnh cửu của con người).

¹ Xem chú dẫn vào số 87 của sách TLHT.

Điều này nằm trong sứ mạng loan báo Tin Mừng mà Chúa Kitô đã uỷ thác cho Giáo Hội. Một lần nữa, chúng ta nên hiểu Giáo Hội theo nghĩa là toàn thể Dân Thiên Chúa. Tuy các Giáo hoàng lên tiếng trong cương vị của “Mẹ và Thầy”, nhưng động lực thúc đẩy là mối quan tâm của mục tử đối với những người được trao phó: cần phải trình bày chân lý, tố cáo những sai lầm, đưa ra những phương dược để sửa chữa sai lầm. Mặt khác, sứ mạng loan báo Tin Mừng không kết thúc với những tuyên ngôn nhưng cần được diễn tả qua hành động. Ông gọi sống các đức bác ái và công bình là của tất cả các Kitô hữu. Họ được mời làm chứng tá cho tình yêu mà Thiên Chúa dành cho loài người.

Đó là lý do của chương thứ nhất của sách TLGH, bàn về “Kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa dành cho nhân loại”. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này ở mục 3.

5. Câu hỏi về nguồn gốc cũng có thể đặt lên một cách khác nữa, quen gọi là “nguồn mạch suy tư”²: *Dựa vào đâu các Giáo hoàng viết các thông điệp xã hội: phải chăng chỉ dựa trên những luận cứ triết học? Phải chăng chỉ dựa trên các tài liệu chuyên môn do các chuyên gia cung cấp?*

Câu hỏi này liên quan đến phương pháp sẽ được giải thích ở mục 4. Tạm thời có thể nói vấn đề này: Một đàng, Giáo Hội sử dụng các kiến thức của thời đại (triết học, khoa học nhân văn xã hội); đàng khác, Giáo Hội phải đối chiếu với Kinh Thánh và Truyền thống (cách riêng: đạo lý của các giáo phụ và các tiền sĩ, gương các thánh)³. Từ Công đồng Vaticanô II, người ta thêm một “nguồn mạch” nữa, đó là “*dấu chỉ thời đại*”: trong dòng lịch sử, Chúa Thánh Thần hướng dẫn Dân Thiên Chúa tiến đến chân lý vẹn toàn qua những biến cố nhiều khi đau thương⁴. Như vậy, nhìn dưới khía cạnh phương pháp GHXH có ba nguồn gốc⁵: a/ Kinh Thánh và Truyền thống Giáo Hội; b/ Khoa học nhân văn; c/ Kinh nghiệm của Dân Chúa, khám phá tiếng Chúa giữa dòng lịch sử hiện đại. Yếu tố “lịch sử” giúp chúng ta hiểu rõ hơn sự thành hình của GHXH được bàn trong mục kế tiếp.

SỰ THÀNH HÌNH GHXH

Trong mục vừa rồi, khi bàn về nguồn gốc của GHXH, chúng ta đã đã động sơ qua sự hình thành bộ môn GHXH.

² Thuật ngữ chuyên môn trong tiếng Latinh là *locus theologicus*. Xc. Sách GLCG số 11.

³ Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo (số 2038) đã viết như sau về tầm quan trọng của *kinh nghiệm sống của các tín hữu*: “Trong việc giảng dạy và áp dụng luân lý Kitô giáo, Hội Thánh cần đến sự tận tâm của các mục tử, kiến thức của các nhà thần học và sự đóng góp của mọi người Kitô hữu và mọi người thiện chí. Đức tin và việc thực hành Tin Mừng đem lại cho mỗi người một kinh nghiệm về đời sống “trong Đức Kitô”, kinh nghiệm này soi sáng cho họ và giúp họ có khả năng đánh giá những thực tại thần linh và nhân linh theo Thần khí của Thiên Chúa. Như vậy Chúa Thánh Thần có thể dùng những kẻ thấp hèn nhất, để soi sáng cho những người thông thái và những người có chức phận cao trọng hơn.

⁴ Chẳng hạn như qua cuộc cách mạng Pháp 1789 và cuộc cách mạng Cộng sản ở Nga 1917, Giáo Hội quan tâm đến quyền người dân làm chủ chính quyền (chứ không phải chính quyền do cha truyền con nối), đến quyền lợi của lớp vô sản (họ có những yêu sách theo sự công bằng, chứ không chỉ dựa trên sự tuý tiện của lòng hảo tâm bác ái).

⁵ Nói theo ngôn ngữ của thần học: *ex fide, ex ratione, ex experientia*

Hầu hết các tác giả đều nói rằng GHXH ra đời với thông điệp *Rerum Novarum* của Đức Lêô XIII (1891). Ý kiến không hoàn toàn đúng, bởi vì không phải là Giáo Hội không hề lên tiếng về các vấn đề xã hội trong suốt 19 thế kỷ trước.

Thực vậy, như vừa nói trên đây, liên quan đến nguồn tài liệu, GHXH phải quy chiếu về Kinh Thánh và truyền thống. Điều này có nghĩa là ngay từ lúc ban đầu, Kitô giáo đã có những giáo huấn về luân lý xã hội được phát biểu trong Kinh Thánh (cách riêng là Tân Ước), các Giáo phụ, các vị Tiến sĩ Hội Thánh. Ngày nay, khi phải đối phó với những vấn đề mới, các Giáo hoàng và Công đồng Vaticanô II lược lợi những giáo huấn ấy, và tìm những giải đáp cho thời đại.

Mục này được chia làm hai phần: thứ nhất, điểm lại những giáo huấn cổ truyền; thứ hai, nêu bật những vấn đề mới của thế kỷ XIX-XX.

I. Những giáo huấn cổ truyền

Dĩ nhiên, chúng ta chỉ có thể lướt qua vài nét nổi bật của Kinh Thánh, các Giáo phụ, các Tiến sĩ Giáo Hội, là nguồn cung cấp chất liệu cho các Giáo hoàng tìm ra định hướng cho thời buổi hiện đại. Chúng ta có thể tóm vào ba giai đoạn chính: 1/ Kinh Thánh. 2/ Các Giáo phụ. 3/ Thời Trung cổ.

A. Kinh Thánh⁶

1/ Cựu Ước

Những chủ đề nổi bật

- Con người được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa. Con người được dựng nên có nam có nữ. Con người được trao vai trò quản trị vũ trụ.
- Ảnh hưởng xã hội của tội nguyên tổ: những tương quan xã hội bị xáo trộn (giữa nam nữ, giữa con người với thiên nhiên). Đây là nguồn gốc của những lệch lạc trong đời sống cá nhân và cộng đồng trải qua dòng lịch sử.

3. Cuộc giải phóng Israel khỏi cảnh nô lệ Ai Cập. Tuy biến cố diễn ra trong một khung cảnh lịch sử chính trị và kinh tế, nhưng nó cho thấy rằng Thiên Chúa thương yêu con người, đặc biệt là những thành phần bị áp bức, bị bóc lột (xc. Xh 3,7-8).

4. Thiên Chúa ban bố lề luật cho dân Israel: đây là nền tảng cho sự tự do đích thực, khi con người duy trì những tương quan với Thiên Chúa và với tha nhân⁷.

5. Các ngôn sứ lên tiếng bảo vệ quyền lợi dân nghèo.

2/ Tân Ước

Những chủ đề nổi bật

1. Cuộc cứu độ của Đức Kitô được nhìn như là sự hoà giải giữa Thiên Chúa và nhân loại và với vạn vật.
2. Đức Kitô mạc khải cho nhân loại ơn gọi làm con Thiên Chúa.

⁶ Xem thêm GM Nguyễn Thái Hợp, *Một cái nhìn ...* chương Hai: Sự điệp xã hội trong Kinh Thánh

⁷ Nên lưu ý là trong Kinh Thánh, từ *Justice* áp dụng không những cho tương quan giữa con người với nhau, mà còn giữa con người với Thiên Chúa (sự "công chính").

3. Ôn cứu độ được nhìn như cuộc giải phóng toàn diện con người: giải thoát khỏi tội lỗi, khỏi sự chết. Một khi con tim được chữa lành thì các tương quan xã hội cũng được canh tân.

4. Luật Mới của Tân ước mở ra những viễn tượng mới cho thế giới:

- Giới luật của tình yêu trong cách cư xử.
 - Những giá trị mới: các mối phúc thật; đề cao giá trị đích thực thay thế cho những giá trị hão huyền.
 - Trong tổ chức chính trị, đề cao sự phục vụ thay vì thống trị.
 - Mối quan tâm đến người nghèo.
 - Thế giới này chỉ có giá trị tương đối, so sánh với thời đại cánh chung.
5. Đức Giêsu không chỉ giảng dạy luật mới, nhưng Người còn thực hành luật ấy, đến nỗi hy sinh mạng sống cho bạn hữu.

B. Các Giáo phụ

1. Các Kitô hữu tiên khởi đã để lại một truyền thống về đời sống xã hội từ kinh nghiệm sống động trong Giáo Hội: sự chia sẻ huynh đệ (kể cả về tài sản vật chất), tình huynh đệ đại đồng (vượt lên trên biên cương của chủng tộc).

2. Thái độ của các Kitô hữu đối với quyền lực chính trị (và thế giới nói chung) thay đổi trước và sau thế kỷ IV:

- Trong thời kỳ bị bách hại, các tín hữu bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, kể cả bằng mạng sống. Thế gian bị đồng hoá với sự dữ, và các tín hữu tỏ ra thái độ thù nghịch.
- Sau khi Kitô giáo được hưởng tự do và trở thành quốc giáo trong đế quốc Rôma, Giáo Hội tỏ ra thiện cảm đối với chính quyền, và đôi khi đưa tới sự trà trộn giữa Giáo Hội và xã hội chính trị.

3. Giáo huấn các Giáo phụ về các nghĩa vụ công bằng xã hội là một kho tàng lớn cho GHXH của các Giáo hoàng cận đại

C. Thần học kinh viện

1. Các Tiến sĩ hồi thế kỷ XIII, cách riêng thánh Tôma Aquinô, đã để lại nhiều khảo luận về luật tự nhiên, về cách tổ chức xã hội, về các nhân đức (công bằng xã hội).

2. Những biến chuyển chính trị xã hội châu Âu thời cận đại:

- Việc “khám phá” những châu lục mới đặt lên vấn đề luật quốc tế (trường phái Salamanca), quyền lợi của thổ dân,
- Tại châu Âu, sự tách biệt “thế quyền” khỏi “giáo quyền”, “khoa học” tách khỏi “đức tin”, dẫn đến những suy tư về sự độc lập của mỗi lãnh vực.
- Sự tham gia của các Dòng tu vào những công tác bác ái xã hội: mối quan tâm đến người nghèo, được thể hiện qua việc mở các bệnh viện, cô nhi viện, trường học.

II. Những vấn đề hiện đại

Như đã nói trên đây, các tác giả thường lấy thông điệp “*Rerum Novarum*” của Đức Lêo XIII (15/5/1891) làm khởi điểm cho GHXH vào thời cận đại. Bối cảnh lịch sử của nó là cuộc *cách mạng kỹ nghệ* tại Âu châu, lôi kéo theo rất nhiều cuộc thay đổi về những công cụ sản xuất, cũng như những mối tương quan xã hội.

Thực ra, xã hội Âu châu đã bị lay động từ nhiều thế kỷ trước bởi nhiều nhân tố khác nhau. Trước tiên là các cuộc *cách mạng chính trị*, lật đổ các chế độ chuyên chế, đòi hỏi các quyền tự do bình đẳng cho hết mọi công dân (điển hình là cách mạng Pháp 1789). Tiếp theo cuộc cách

mạng chính trị đòi hỏi các quyền tự do cho công dân, là thuyết *tự do kinh tế*, theo đó trong lãnh vực kinh tế, chính quyền phải để cho sáng kiến tư nhân hoạt động (*laissez faire, laissez passer*) chứ không được can thiệp vào guồng máy sản xuất (từ việc thiết lập cơ xưởng, cho tới khế ước thuê mướn nhân công, lẫn giá cả).⁸ Chủ thuyết tự do cũng đề cao tư sản như là cái gì thánh-thiêng ngang hàng với tôn giáo và gia đình. Những tiền đề của chủ thuyết tự do, khi được áp dụng vào cuộc cách mạng kỹ nghệ, không những đã làm thay đổi các điều kiện làm việc (từ nông nghiệp sang kỹ nghệ, từ đồng quê lên thành thị), nhưng còn tạo ra những giai cấp mới trong xã hội: một bên là lớp tư bản và một bên là lớp vô sản. Từ khi mà mức sống giữa đôi bên càng lúc càng chênh lệch, thì hai bên càng ngày càng trở nên đối thủ.

Đứng trước tình trạng bất công mà đa số dân nghèo phải chịu đựng, nhiều học giả tựa như Robert Owen (1771-1858), Saint Simon (1760-1825), Proudhon(1809-1865) và nhất là Karl Marx (1818-1883), cho rằng nguồn gốc của các bất công xã hội là chủ nghĩa tự do kinh tế. Vì vậy muốn dẹp bỏ những bất công, thì chính quyền cần phải nắm giữ các bộ máy sản xuất. Marx không chỉ đề ra một lý thuyết nhưng ông còn khơi lên một hiệp hội quốc tế các công nhân, từ năm 1866 mang tên là Đệ nhất Quốc tế, nhằm chuẩn bị cho giới lao động chiếm chính quyền, đập tan chế độ tư sản.

GHXH đã ra đời trong hoàn cảnh đó. Tuy nhiên, cũng cần phải thêm rằng, Giáo Hội không chỉ phải đương đầu với những lý thuyết tự do trong lãnh vực kinh tế. Thực vậy, từ thời cách mạng chính trị bên Pháp, giữa Giáo Hội với chủ nghĩa tự do còn có những cuộc đụng độ trên nhiều phạm vi khác nữa thí dụ như : về nguồn gốc quyền bính trong xã hội (từ trời, hay là từ nhân dân?), về tự do lương tâm (ai muốn theo đạo nào thì theo, hay là phải theo đạo chân thật?). Các Giáo hoàng Grêgôriô XVI (thông điệp *Mirari vos* 15/8/1832, *Singulari nos* 25/7/1834) và Piô IX (*Syllabus*: danh mục những sai lầm của thời đại, 8/12/1864) đã lên án những tiền đề của chủ thuyết tự do trong lãnh vực chính trị; nhưng thái độ lên án mang tính cách tiêu cực.

Đức Lêô XIII(1878-1903) bắt đầu tạo ra một học thuyết có tính cách tích cực và vững chắc về luân lý xã hội, để đáp lại những học thuyết tự do lẫn học thuyết cộng sản về nguồn gốc quyền bính trong xã hội, về ý nghĩa của tự do, về mối quan hệ giữa Giáo Hội và Nhà nước. Cách riêng, với Thông điệp *Rerum Novarum* (15/5/1891), Đức Lêô XIII giải quyết vấn đề do cuộc kỹ nghệ hóa đã đặt ra, đó là: một thiểu số người giàu đã áp đặt ách nô lệ lên đại đa số người vô sản. Có thể coi đây như là khởi điểm của Học thuyết Xã hội của Giáo Hội, tuy phải nhìn nhận rằng các văn kiện chính thức của Giáo Hội đã được chuẩn bị trước đó nhờ những nhà thần học hoặc các giáo dân đi tiên phong⁹.

Từ thông điệp *Rerum Novarum* trở đi, Học thuyết Xã hội của Giáo Hội được bổ túc dần dần, do những vấn đề được gọi lên tùy thời thế và cũng do những cuộc tìm hiểu và suy tư càng ngày càng chín chắn hơn. Khi trình bày lịch sử GHXH, sách TLHT (số 87-104) chỉ theo dõi thứ tự niên biểu của các Giáo hoàng chứ không phân chia thành giai đoạn tiến triển của học thuyết.

⁸ Vài học giả tiêu biểu : Adam Smith (1723-1790); David Ricardo (1772-1823).

⁹ Chẳng hạn như : các chân phước Antoine-Frédéric Ozanam y Adolf Kolping, các hồng y Manning, Gibbons và Mermillod , giám mục Von Ketteler, linh mục Taparelli d'Azeglio SJ, các giáo dân Léon Harmel, Albert de Mun và René de la Tour du Pin.

Tuy nhiên, cũng có tác giả¹⁰ phân chia các giai đoạn dựa theo lịch sử Giáo Hội trong thế kỷ XX, với mốc điểm là Công đồng Vaticanô II; từ đó các văn kiện được phân thành ba nhóm:

- + Trước Vaticanô II: Lêô XIII, Piô XI, Piô XII
- + Công đồng Vaticanô II: Gioan XXIII, công đồng, Phaolô VI
- + Sau Công đồng: Gioan Phaolô II, Bê-nê-đi-cô XVI.

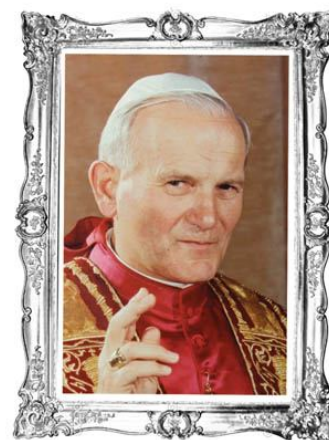
Khi đối chiếu sự tiến triển của đạo lý với những biến chuyển của thời cuộc thế giới, Alfonso Cuadrón phân chia làm 6 giai đoạn:¹¹ 1/ Thời phác họa những vấn đề(1891-1931). 2/ Thời khủng hoảng của các chế độ kinh tế(1931-1939). 3/ Thời thế chiến và chiến tranh lạnh(1939-1958). 4/ Thời lạc quan của thập niên 60(1958-1969). 5/ Thời khủng hoảng trong Giáo Hội và xã hội(1969-1989). 6/ Từ 1989, với sự sụp đổ của bức tường Bá Linh. Chúng tôi cũng dựa theo tác giả này để theo dõi sự tiến triển của GHXH, với một vài sửa đổi nhỏ nhằm nêu bật liên kết với các triều đại giáo hoàng hơn.



ĐGH. Lêô XIII



ĐGH. Gioan XXIII



ĐGH. Gioan Phaolô II

A. Thời phác họa vấn đề: từ *Rerum Novarum* (1881) đến cuộc khủng hoảng 1929.

Trước những bất công gây cho giới thợ thuyền do chủ nghĩa tự do kinh tế gây ra, phương thức duy nhất để chữa trị xem ra là chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên Đức Lêô XIII đã chống lại chủ trương ấy. Ngài bảo vệ tư hữu như là nền tảng của trật tự xã hội, chống lại sự tranh đấu giai cấp, và cổ võ sự hoà đồng của tất cả mọi nhóm. Mặt khác, ngài cũng đã kích chủ nghĩa tự do vì đã gây ra nhiều bất công xã hội, cách riêng bởi vì họ coi tư hữu như là một quyền lợi tuyệt đối và hạn chế sự can thiệp của chính quyền. Thông điệp cũng bảo vệ quyền lập hội, cũng như quyền của Giáo Hội được góp phần vào việc kiến thiết xã hội.

Không phải tất cả mọi giới Công giáo đều hoan hỉ đón nhận Thông điệp "*Rerum Novarum*". Một nhóm trường giả đã trách Đức Lêô XIII là đã vượt quá thẩm quyền của mình khi can thiệp vào những vấn đề xã hội thay vì chú trọng đến chuyện cứu rỗi các linh hồn. Dù sao,

¹⁰ Escuela de Agentes de Pastoral Diocesis de Plasencia, *Formacion basica. Doctrina Social de la Iglesia*, 2009.

¹¹ AA.VV. *Manual de doctrina social de la Iglesia*, obra coordinada por Alfonso A. Cuadrón, BAC, Madrid 1993, pp.814.

thông điệp ấy đã thức tỉnh lương tâm của nhiều tín hữu về vai trò của họ trong xã hội. Vào những thập niên đầu tiên của thế kỷ XX, người ta nhận thấy rất nhiều sáng kiến đã được xúc tiến về phía các chủ nhân cũng như các công nhân Kitô giáo, muốn đem ra áp dụng đạo lý của Hội Thánh. Chính trong khi thực hành, người ta mới thấy nảy ra những vấn đề mới mà thông điệp chưa nghĩ tới, nhưng cũng nhờ vậy mà GHXH dần dần được bổ túc và hoàn chỉnh. Vài thí dụ : người Công giáo có nên thành lập một đảng chính trị để tranh đấu cho một chính sách hòa hợp với luân lý hay không ? Các công nhân Công giáo nên lập ra nghiệp đoàn riêng hay là nên gia nhập những nghiệp đoàn khác tuy không đồng tín ngưỡng ? Riêng về quyền lợi của các công nhân, các nhà thần học còn tranh luận xem vấn đề phụ cấp dành cho gia đình thuộc về công bằng hay thuộc đức bác ái ?

B. Thời khủng hoảng của các chế độ (1931-1939)

Thập niên 30 của thế kỷ XX được đánh dấu bằng nhiều khủng hoảng. Chế độ *tư bản* tự do gặp phải cơn khủng hoảng, điển hình với sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Nữ ưóc (24/10/1929). Chế độ *xã hội*, sau cuộc cách mạng 1917 bên Nga, cũng bị rạn nứt giữa khuynh hướng đệ Nhị và đệ Tam quốc tế. Đang khi đó tại Đức và Ý nảy ra chủ nghĩa *quốc xã* (Adolf Hitler) và *phát xít* (Benito Mussolini).

Thông điệp *Quadragesimo anno* của Đức Piô XI (15/5/1931), kỷ niệm 40 năm thông điệp *Rerum Novarum*, đã vạch ra những sai lầm của ba chủ nghĩa nói trên:

1. Chủ nghĩa tư bản bị lên án là bất công bởi vì hoàn toàn dựa trên định luật cung cầu; mặc dù đề cao tự do nhưng trên thực tế nó áp đặt sự thống trị của thiểu số có tiền lực.
2. Chủ nghĩa cộng sản bị kết án vì quan niệm đấu tranh giai cấp, gây ra căm thù trong xã hội.
3. Chủ nghĩa độc tài phát xít bị công kích vì dành cho Nhà nước quá nhiều can thiệp vào đời sống xã hội đến nỗi bóp nghẹt những sáng kiến tư nhân. Nên biết là Đức Pio XI đã dành ba thông điệp cho ba chế độ độc tài: *Non abbiamo bisogno* (29/6/1931) dành cho phát xít Ý; *Mit brennender Sorge* (14/3/1937) hướng tới quốc xã Đức; bốn ngày sau đó (19/3/1937), thông điệp *Divini Redemptoris* ra đời bàn về chế độ cộng sản. Đức Piô XI đã mạnh dạn tố cáo tất cả những chủ nghĩa nào, - dù hữu phái hay tả phái, dù thuộc khuynh hướng tự do hay xã hội-, khi chúng đe dọa sự tự do đích thực của con người.

Thông điệp *Quadragesimo anno* dành phần thứ hai để trình bày quyền sở hữu, tư bản và lao động, tiền lương công bằng. Thông điệp cũng bàn vai trò của Nhà Nước, và phát biểu nguyên tắc hỗ trợ, để chống lại các chủ nghĩa toàn chế. Trong phần thứ ba, thông điệp đề nghị những hệ thống trung gian giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

C. Thời chiến tranh thế giới và chiến tranh lạnh (1939-58)

Triều đại của Đức **Piô XII** trùng với thời chiến tranh nóng và chiến tranh lạnh của thế giới. Chiến tranh nóng khởi sự với thế chiến thứ hai (1/9/1939). Khi thế chiến vừa kết liễu thì cuộc chiến tranh lạnh bắt đầu giữa hai khối Nga-Mỹ: châu Âu bị phân chia thành hai vùng Đông-Tây; sự phân chia cũng xảy ra tại châu Á (Triều Tiên, Việt Nam). Thêm vào đó, ngay tại nước Nga, người ta cũng đã chứng kiến cuộc hạ bệ Staline năm 1956 đưa tới việc lên án vào năm 1961, dưới thời Khrushchov, tuy ông này cũng làm thế giới đứng tim với cuộc khủng hoảng Cuba năm 1962, sau khi đã xây bức tường Bá linh năm 1961.

Đức Piô XII không xuất bản một thông điệp nào về vấn đề xã hội, nhưng Ngài đã viết hoặc tuyên bố trên đài phát thanh nhiều bài diễn văn bàn về hòa bình trên thế giới, đặc biệt là: *In questo giorno* (1939), về hoà bình được xây dựng trên những yêu sách chính đáng của các dân tộc; *Grazie* (1940) về những nền tảng của một trật tự quốc tế mới; *Nell'alba* (1941) xác định những tiền đề của trật tự quốc tế; *La solennità* (1941) về vấn đề xã hội nhân kỷ niệm 50 năm Thông điệp “*Rerum Novarum*”; *Con sempre* (1942) về trật tự nội bộ trong các quốc gia; *Begninitas et humanitas* (1944) đề nghị chế độ dân chủ như là chính thể thích hợp nhất cho các quốc gia.

D. Thời lạc quan của thập niên 60 (1958-1969)

Thập niên 60 được đánh dấu với những nét lạc quan về chính trị, kinh tế xã hội. Mặc dù chiến tranh lạnh giữa hai khối Nga Mỹ còn tiếp diễn, nhưng lãnh tụ của hai phe đã có dịp gặp gỡ nhau để thảo luận về chính trị quốc tế. Mức sống của dân chúng tại Âu Mỹ đã được nâng cao nhờ sự phát triển kinh tế. Các công nhân và nghiệp đoàn đã có tiếng nói trong sinh hoạt chính trị và xã hội. Thập niên 60 cũng còn được đánh dấu với việc giành độc lập của các nước Á-Phi, làm thay đổi mối bang giao giữa các quốc gia, dần dần đưa tới những khối trong cộng đồng chính trị thế giới.

1/ Chân phước Gioan XXIII (1958-1963)

Về phía Giáo Hội, giai đoạn này trùng hợp với triều đại của Đức Gioan XXIII. Ngài đã để lại hai thông điệp xã hội: *Mater et Magistra* (15/5/1961) và *Pacem in terris* (14/4/1963).

- Thông điệp thứ nhất kỷ niệm 70 năm Thông điệp “*Rerum Novarum*”, đặt lại những vấn đề quyền tư hữu, lương bổng, công bằng xã hội, các cơ cấu kinh tế trong viễn tượng mới của thế giới. Thông điệp phân tích những chênh lệch trong kinh tế thế giới (nông nghiệp, kỹ nghệ, các dịch vụ, các nước kém phát triển) và mời gọi sự hợp tác toàn cầu.

Thông điệp *Mater et Magistra* kêu gọi giáo dân hãy phổ biến GHXH, cũng như nhắc đến phương pháp “xem - xét - làm”.

- Thông điệp thứ hai phát biểu quan điểm của Giáo Hội trước các vấn đề chính trị quốc gia và quốc tế. Thông điệp này gửi đến “tất cả mọi người thiện chí”, chứ không chỉ giới hạn vào các phần tử của Giáo Hội. Đức Thánh Cha muốn xây dựng trật tự thế giới dựa trên hoà bình và sự tôn trọng các quyền lợi của con người. Thông điệp bàn đến bản chất của quyền bính trong xã hội, các chính thể, công ích, cũng như một cơ quan quản trị quốc tế.

Thông điệp *Pacem in terris* nói đến bốn cột trụ của Hoà bình: chân lý, công bằng, yêu thương và tự do.

2/ Công đồng Vaticanô II (1962-1965)

Công đồng được Đức Gioan XXIII triệu tập để canh tân Giáo Hội. Công đồng bàn về Giáo Hội, đối nội cũng như đối ngoại. Đối nội, trong Hiến chế *Lumen gentium*, công đồng ý thức rõ rệt hơn về bản chất và sứ mạng của mình giữa lòng nhân loại; Giáo Hội là Dân Thiên Chúa, gồm bởi nhiều thành phần với những chức năng chuyên biệt.

Đối ngoại, Công đồng bàn về tương quan của Giáo Hội đối với thế giới trong Hiến chế *Gaudium et spes* (7/12/1965). Công đồng bàn về nhiều lãnh vực khác nhau: gia đình, văn hóa, kinh tế, chính trị, hoà bình. Xét về phương pháp, văn kiện này đi từ nhận định thực tại, rồi phân tích dưới ánh sáng mạc khải. Phương pháp tương tự cũng được sử dụng trong Tuyên

ngôn *Dignitatis humanae* (7/12/1965) bàn về quyền tự do tín ngưỡng được nhìn dưới mối tương quan giữa công dân và chính quyền.

E. Thời khủng hoảng trong xã hội và Giáo Hội (1966-1978)

Vào năm 1969, con người đã đặt chân lên cung trăng. Nhưng thay vì mở màn cho những hy vọng vô bờ bến của nhân loại, thì nó lại đánh dấu một giai đoạn khủng hoảng. Trước đó một năm (1968), những cuộc biểu tình của sinh viên tại Paris và các thủ đô lớn ở Âu Mỹ đã cho thấy rằng thế hệ trẻ không hài lòng với những cơ cấu xã hội cổ truyền, và họ muốn phá đổ tất cả. Sự phát triển kinh tế bị đình trệ lại với cuộc khủng hoảng dầu lửa năm 1973. Hòa bình thế giới bị thương tổn không những do những cuộc chiến tranh sôi bỏng tại Việt nam, nhưng còn có những cuộc chiến tranh du kích tại Nam Mỹ nhằm đòi hỏi một trật tự xã hội công bình hơn.

Trong nội bộ Giáo Hội, luồng gió mới của Công đồng Vaticano II đôi khi cũng gây ra những bão tố, điển hình là phản ứng tiếp theo Thông điệp "*Humanae vitae*" của Đức Phaolô VI (25/7/1968).

Trong giai đoạn này, đừng kể những vấn đề liên quan tới việc canh tân Giáo Hội sau Công đồng, chúng ta có thể ghi nhận rất nhiều vấn đề về Học thuyết Xã hội của Giáo Hội.

1/ Đức Phaolô VI đã để lại một vấn đề quan trọng cho GHXH, đó là Thông điệp *Populorum Progressio* (26/3/1966) bàn về sự phát triển các dân tộc. Thông điệp này không kỷ niệm *Rerum Novarum* cho bằng nói rộng Hiến chế *Gaudium et spes*. Sự phát triển không thể chỉ giới hạn vào lãnh vực kinh tế, nhưng cần được mở rộng tới sự phát triển toàn diện con người. Mặt khác, sự phát triển cũng đòi hỏi tình liên đới giữa các nước giàu và các nước nghèo; vì thế vấn đề quyền tự hữu cần được lồng trong bối cảnh nhằm phục vụ lợi ích của toàn thể nhân loại. Như vậy điểm mới mẻ của Thông điệp là đề tài "phát triển" (phát triển toàn diện con người) nhìn ở tầm mức hoàn vũ (phát triển của toàn thể nhân loại): sự phát triển là danh xưng mới của hòa bình¹².

*Tuy không được xếp vào số Giáo huấn về xã hội, nhưng Thông điệp *Humanae vitae* (25/7/1968) đáng được quy chiếu khi bàn về đời sống gia đình, nền tảng của xã hội.

2/ Để kỷ niệm 80 năm Thông điệp *Rerum Novarum*, Đức Phaolô VI đã viết Tông thư *Octogesima Adveniens* (15/5/1971), trình bày lập trường của Giáo Hội trước những vấn đề mới (hiện tượng đô thị hóa, truyền thông xã hội, phong trào phụ nữ, môi sinh), đặc biệt là sự tham gia của các tín hữu vào các phong trào xã hội. Ngài đã phân tích hai "ý thức hệ" (tự do và mác xít), khác với ba "phong trào lịch sử" (chủ nghĩa xã hội, cộng sản, tư bản). Từ đó, tông thư chấp nhận rằng do cùng một đức tin thúc đẩy, các tín hữu có thể chọn lựa những phương thức khác nhau để hành động.

3/ Thượng Hội đồng các Giám mục họp năm 1971 đã dành một vấn đề bàn về "Sự Công bằng trên thế giới". Thượng hội đồng họp năm 1974, được Đức Phaolô VI đúc kết trong Tông huấn "Rao truyền Phúc âm" (*Evangelii Nuntiandi* 8/12/1975), đã dành nhiều khoản (số 29-39) để nói về mối liên hệ giữa việc rao truyền Phúc âm với sự thăng tiến con người.

¹² Đức Phaolô VI đã thành lập ngày Hòa bình thế giới, được cử hành hằng năm vào ngày 1/1, kể từ năm 1968.

F. Thời xác định căn cước GHXH trước một trật tự thế giới mới

Với sự sụp đổ của bức tường Bá linh ngày 9/11/1989, một trang sử được lật qua với những ảnh hưởng không riêng gì cho chính trị tại Âu châu mà còn cho trật tự của toàn thế giới. Bản đồ của nhiều quốc gia đã được vẽ lại. Người ta không còn lo sợ sự đụng độ giữa hai siêu cường Nga-Mỹ nữa, (điển hình là nhân chiến tranh vùng vịnh Ba-tư). Tuy nhiên, những cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội vẫn còn trờ trờ ở đó: nạn thất nghiệp, nợ quốc tế, vv; đó là chưa kể cuộc khủng hoảng của các giá trị luân lý tinh thần. Mặt khác, người ta cũng lo sợ những phong trào khủng bố của những nhóm quá khích sử dụng chiêu bài tôn giáo.

Trùng với giai đoạn này là triều đại của đức Gioan Phaolô II, một công dân Ba-lan đã từng sống dưới chế độ cộng sản cũng như kinh nghiệm đời công nhân. Những thông điệp xã hội vào thời này xác định rõ hơn căn tính của GHXH trong bối cảnh của một trật tự thế giới mới.

Đức Gioan Phaolô II khai trương Giáo huấn Xã hội của triều đại với Thông điệp *Laborem exercens* (14/9/1981) bàn về lao động, vào dịp kỷ niệm 90 năm Thông điệp *Rerum Novarum*. Tiếp theo là Thông điệp *Sollicitudo rei socialis* (30/12/1987) kỷ niệm 20 năm Thông điệp *Populorum Progressio*. Những dịp kỷ niệm không chỉ là để lặp lại chuyện cũ nhưng là để bàn đến những vấn đề mà thời đại đặt ra. Thí dụ vào thời đại hôm nay, vấn đề lao động lôi kéo theo vấn đề nghiệp đoàn, lãng công, thất nghiệp, di dân, phụ nữ. Sự phát triển các dân tộc bị đình trệ vì nợ của các nước nghèo: thế giới không phải chỉ chia thành hai khối tư bản và xã hội, nhưng còn thêm những nước thuộc thế giới thứ ba và thứ bốn.

Đức Gioan Phaolô II xác định rõ hơn bản chất của GHXH: đây là một ngành thuộc thần học luân lý trong thông điệp *Sollicitudo rei socialis*. Nguyên tắc liên đới cũng được đề cập nhiều lần.

Bên cạnh giáo huấn của Đức Thánh Cha, còn phải kể thêm hai huấn thị của Bộ Giáo Lý đức tin về thần học giải phóng (6/8/1984 và 22/3/1986), một huấn thị của Bộ Giáo dục Công giáo về việc dạy Học thuyết Xã hội trong các chủng viện (30/12/1988), đó là chưa kể các văn kiện của Hội đồng Tòa thánh về "Công lý Hòa bình" và của các Hội đồng Giám mục.

Thông điệp *Centesimus Annus* (1/5/1991) không nhằm kỷ niệm 100 năm thông điệp *Rerum Novarum* cho bằng phác họa hướng đi cho tương lai. Thông điệp ôn lại thái độ của Giáo Hội đối với hai chế độ mác-xít và tư bản, cho thấy những khuyết điểm của mỗi chế độ, chung quy ở chỗ quan điểm lệch lạc về phẩm giá của con người. Khuyết điểm chính của thuyết mác-xít là cắt đứt con người khỏi chiều kích siêu việt, cũng như chủ trương đấu tranh giai cấp. Khuyết điểm của chủ nghĩa tư bản là đề cao tự do cá nhân mà không đếm xỉa đến tình liên đới xã hội, hoặc đề cao một thứ tự do quá khích tách rời khỏi mọi giá trị luân lý.

Đề tài GHXH được đưa vào *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo* (11/10/1992), trong phần luân lý tổng quát cũng như luân lý chuyên biệt (xc Phụ trương II).

Trước khi bước sang thiên niên kỷ mới, Đức Gioan Phaolô II đã triệu tập những khóa họp đặc biệt Thượng Hội đồng Giám mục, để nghiên cứu tình hình tôn giáo, chính trị xã hội tại các lục địa. Chính trong khóa họp dành cho châu Mỹ, các nghị phụ đề nghị soạn thảo một bản tóm

lược Giáo huấn xã hội¹³. Công tác này được trao cho Hội đồng Tòa thánh về Công lý và Hoà bình, và tác phẩm được xuất bản năm 2004.

Những văn kiện dưới thời Đức Gioan Phaolô II đã xác định rõ bản chất thần học của Giáo huấn Xã hội Công giáo. Cũng trong đường hướng đó, các thông điệp của Đức Bênêđictô XVI (*Deus caritas est, Spe salvi, Caritas in veritate*) muốn liên kết hoạt động xã hội của Giáo Hội với nguồn mạch phát xuất là tình yêu Thiên Chúa. Đặc biệt Thông điệp *Caritas in veritate*, được ban hành ngày 29/6/2009 để kỷ niệm 40 năm Thông điệp *Populorum progressio*, nhấn mạnh đến chiều kích tôn giáo và luân lý của công cuộc phát triển con người.

Kết luận

Sau khi nhìn lại tiến trình hình thành GHXH, chúng ta có thể rút ra vài kết luận như sau.

1. GHXH đã bắt nguồn từ thời xa xưa (từ Tân ước, các giáo phụ), nhưng được phát triển mạnh mẽ vào thế kỷ XX. GHXH biểu lộ đặc tính lịch sử hành của Giáo Hội. Giáo Hội đồng hành với nhân loại trong dòng lịch sử, chia sẻ những vui mừng và hy vọng, buồn sầu và lo âu với mọi người. GHXH được phát biểu như là những định hướng cho cuộc hành trình, cách riêng trước những thách đố mới. Hiểu như vậy, GHXH chưa hoàn thành, và cần được cập nhật liên li ngõ hầu đáp ứng với những thách đố mới. Một thí dụ cụ thể, thông điệp cuối cùng về xã hội của chân phúc Gioan Phaolô II là thông điệp *Centesimus annus* (1991) vừa kỷ niệm 100 năm Thông điệp *Rerum Novarum*, vừa suy tư về những thách đố mới được đặt ra sau sự sụp đổ của các chế độ Cộng sản ở châu Âu. Vào năm 2007, nhân dịp kỷ niệm 40 năm Thông điệp *Populorum progressio*, Đức Thánh cha Bênêđictô XVI suy tư về những vấn đề hiện đại được đặt ra do cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Trong quá khứ, các đức giáo hoàng phải đương đầu với hai ý thức hệ: tư bản và cộng sản. Vào thời nay, hai ý thức hệ đã mất nhiều ảnh hưởng; nhưng nảy lên các thách đố mới là: chủ nghĩa tương đối, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa tiêu thụ.

2. Trong những nhân tố của sự tiến triển của GHXH phải kể đến yếu tố “lịch sử”, nghĩa là những biến đổi kinh tế, chính trị, xã hội trong hai thế kỷ XIX-XX: đó là những nhân tố bên ngoài. Chúng ta cũng cần thêm một nhân tố bên trong nữa, đó là sự tiến triển của Giáo Hội trong nhận thức về bản chất của mình, cách riêng từ Công đồng Vaticanô II. Trước đây, Giáo Hội thường được quan niệm như một “xã hội toàn vẹn” (*societas perfecta*) với các guồng máy thể chế tương tự như một quốc gia và đôi khi ra như tranh đua với các quốc gia. Công đồng Vaticanô II nhấn mạnh đến bản chất Giáo Hội như là “dấu chỉ và dụng cụ của ơn cứu độ”, về cơ cấu như là Dân Thiên Chúa dưới sự lãnh đạo của hàng Giám mục, về sứ mạng như là mang Tin Mừng cho thế giới và đồng thời cũng lãnh nhận nhiều giá trị từ thế giới. Những quan điểm này ảnh hưởng đến phương pháp xây dựng GHXH. GHXH không phải là công tác dành riêng cho Giáo hoàng và các Giám mục. Các giáo dân giữ vai trò then chốt trong việc xây dựng và áp dụng “Tin mừng về xã hội”.

3. GHXH mang tính cách phổ quát, đối diện với những vấn đề mang tính cách toàn cầu. Viễn ảnh này rất cần thiết trong thời đại toàn-cầu-hóa ngày nay. Tuy nhiên, mỗi Giáo Hội địa phương cần tìm cách để áp dụng giáo huấn này vào hoàn cảnh cụ thể của mình. Việc áp dụng

¹³ Xc. Tông huấn hậu thượng hội đồng *Eccléia in America* số 54.

này không những giúp cho GHXH được diễn ra thực tại, nhưng còn góp phần cho nó tiến triển, qua sự đóng góp bằng chính kinh nghiệm sống ♦

(trích tập san Giáo huấn Xã hội Công giáo số 1)
